

Bản án số: **07 /2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/5/2020

Về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lan**

2. Ông **Huỳnh Phước Tỷ**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Danh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1982 có mặt

Địa chỉ: Ấp MD, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Kim L**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp MD, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 22/01/2020 nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Tôi và chị Phạm Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/10/2003. Cuộc sống của vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nên tôi và chị L đã có 02 con chung: 1/ Nguyễn Chí Khang, sinh

năm 2004; 2/ Nguyễn Bích N, sinh năm 2005. Hiện nay 02 con đang sống với tôi. Tuy nhiên đến đầu năm 2016 vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, chị L không tôn trọng chồng và gia đình bên chồng, đã nhiều lần tôi cho chị L sửa đổi, có gia đình hai bên hòa giải, nhưng sau đó chị L vẫn không thay đổi, chio nên vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, nên hôm nay tôi làm đơn xin ly hôn với chị Phạm Thị Kim L.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có chung nhau 02 đứa con.

1/ Nguyễn Chí K, sinh năm 2004.

2/ Nguyễn Bích N, sinh năm 2005.

Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi, nếu con theo tôi thì tôi đồng ý nuôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chúng tôi không nợ ai, không ai nợ chúng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 bị đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày:

Tôi thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con cái anh T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 đến nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, từ đó vẫn đến bất đồng ý kiến với cha mẹ chồng, anh T bỏ nhà đi lao động ở tỉnh Đồng Nai từ năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đến cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có chung nhau 02 đứa con.

1/ Nguyễn Chí K, sinh năm 2004.

2/ Nguyễn Bích N, sinh năm 2005. (hiện 02 con đang sống với anh T).

Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi, nếu con theo tôi thì tôi đồng ý nuôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, không ai nợ chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Chí T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Phạm Thị Kim L. Đây là tranh chấp việc ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Đã được triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn chị Phạm Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh Nguyễn Chí T và chị Phạm Thị Kim L lấy nhau là do tự tìm hiểu rồi yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận rồi **tổ chức lễ cưới**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/10/2003. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 05/3/2004; Nguyễn Bích N, sinh ngày 03/5/2005. Đến đầu năm 2016 chị L và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, chị L không tôn trọng anh T và gia đình bên chồng. Từ đó anh, chị ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa anh T kiên quyết xin ly hôn với chị L.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống trong gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, đề thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho anh T được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 05/3/2004; Nguyễn Bích N, sinh ngày 03/5/2005. Hiện nay 02 cháu đang sống với anh T. Chị L và anh T thống nhất con theo ai người đó nuôi, anh T và chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai cháu Nguyễn Chí Khang có nguyện vọng sống với anh T, cháu Nguyễn Bích N có nguyện vọng sống với chị L, nghĩ nên giao cháu Khang cho anh T, giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.(Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con)

Anh Nguyễn Chí T, chị Phạm Thị Kim L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, không ai nợ anh chị.

Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Anh T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003245 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, anh T không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 227, 228 271,273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51 , 55,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Chí T.

Xử: Cho anh Nguyễn Chí T ly hôn chị Phạm Thị Kim L.

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị L là anh Nguyễn Chí T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 05/3/2004, chị Phạm Thị Kim L nuôi cháu: Nguyễn Bích N, sinh ngày 03/5/2005. Anh T, chị L không cấp dưỡng nuôi con, do anh T, chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí T, chị Phạm Thị Kim L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Anh T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003245 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền K cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L vắng mặt có quyền K cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện UMT;
- CCTHADS huyện UMT
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lập; Nguyễn Thành Thái

Nguyễn Tấn Lợi

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tấn Lợi